TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **189/**2024 /HNGĐ-ST.
Ngày 02/8/2024
"V/v không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thơm.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hà Thị Kim Dung – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự ly hôn thụ lý số: 102/2024/TLST- HNGĐ, ngày 02/5/2024, về việc *"Không công nhận vợ chồng"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HS ngày 03/7/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 38/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 18/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bàn Thị H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh **Lý Văn H1**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Bàn Thị H trình bày:

Chị và anh Lý Văn H1 chung sống với nhau từ năm 2003, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện của hai bên, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, từ đó đến nay hai bên cũng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau

khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng nhau tại xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau, tuy đã được giải thích, hoà giải nhưng mâu thuẫn không được giải quyết, do không chịu đựng được nên năm 2015 chị đã bỏ về quê ở nhờ nhà anh trai tại xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, hai bên sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Trong suốt thời gian chúng tôi sống ly thân, chị và anh H1 không còn quan tâm gì đến nhau, sau khi chị về quê ở anh H1 đã đón người phụ nữ khác về nhà sống cùng.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Lý Văn H1 đến nay đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do chúng hai bên không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Lý Văn H1 là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H xác định chị và anh Lý Văn H1 có 01 con chung là cháu: Lý Thị Thanh M, sinh năm 2006, hiện nay cháu đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và đã lập gia đình riêng nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Lý Văn H1 có một số tài sản chung, nhưng tự thoả thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Lý Văn H1 không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập Lý Văn H1 đến để giải quyết vụ án nhưng anh H1 không có mặt; qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Theo cung cấp của đại diện thôn Bản Khẻ, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang thì việc chị H và anh H1 chúng sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng thực tế. Sau khi kết hôn chị H và anh H1 chung sống tại thôn Bản Khẻ, xã T. Quá trình chung sống giữa hai bên có xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị H đã bỏ về xã T, huyện C từ năm 2015 hai bên không chung sống cùng nhau từ đó cho đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Hiện anh H1 tuy có mặt tại địa phương nhưng không thường xuyên ở nhà, anh H1 đi vắng mấy ngày mới về nhà một lần. Đại diện thôn xác định có nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án đã thông báo cho anh H1 biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án nhưng anh H1 cho rằng giữa anh và chị H không có đăng ký kết hôn nên không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS như: Vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên họp; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ: Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bàn Thị H và anh Lý Văn H1.

+ Về con chung: Do con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị Bàn Thị H xác định có một số tài sản chung nhưng tự thoả thuận, tự chia không đề nghị Toà án giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị Bàn Thị H xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Bàn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định; anh Lý Văn H1 không phải chịu án phí.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tiến hành xác minh tại thôn B và UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Bàn Thị H và anh Lý Văn H1 chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống đã có con chung, chị H đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh H1 không phải là vợ chồng nên xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về xác định quan hệ hôn nhân của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lý Văn H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác minh tại địa phương cho thấy, anh Lý Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Lý Văn H1 không thường xuyên có mặt ở nhà, thường đi mấy ngày mới về một lần, địa phương không nắm được anh H1 đi đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H1 đến làm việc, chính quyền địa phương đã thông báo cho anh H1 biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án nhưng anh H1 cho rằng không có đăng ký kết hôn với chị H nên không đến Toà án giải quyết, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của đương sự; kết quả xác minh tại UBND xã T, huyện Y có cơ sở xác định: Chị Bàn Thị H và anh Lý Văn H1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn tình cảm giữa chị H và anh H1 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị H kiên quyết không muốn chung sống với anh H1 nữa.

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; HĐXX xét thấy: Việc chị Bàn Thị H và anh Lý Văn H1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị H, tuyên bố không công nhận chị Bàn Thị H và anh Lý Văn H1 là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung:* Chị H xác định chị và anh Lý Văn H1 có 01 con chung là cháu: Lý Thị Thanh M, sinh năm 2006, hiện nay cháu đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và đã lập gia đình riêng, không đề nghị Toà án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Hiện xác định, chị và anh Lý Văn H1 có một số tài sản chung, nhưng tự thoả thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Chị H xác định chị và anh H1 không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Lý Văn H1 không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Bàn Thị H và anh Lý Văn H1 là vợ chồng.

2. Về án phí:

- Chị Bàn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000766 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; chị Bàn Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Lý Văn H1 không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Trung Minh;
- UBND xã Tri Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Thị Huệ **Lộc Thị Kim Thơm** **Vũ Mạnh Hồng**